

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **59 /2017/HNGĐ-ST**

Ngày 21/12/2017

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Trang**
- Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Trần Thị An và Lưu Thị Kim Hiền**
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Ngọc Lan – Thư ký Tòa án**
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên Tòa: **Bà Nguyễn Bách Thiện Linh –Kiểm sát viên.**

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 663/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình “ Xin ly hôn ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 và giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1983;

HKTT và nơi ở: P512 C4, phường Giảng Võ, quận B, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh Đặng Ngọc T - sinh năm 1979;

HKTT và nơi ở: P512 C4, phường G, quận B, thành phố Hà Nội Hiện đang bị giam tại trại giam số 1, thành phố Hà Nội (số giam 2409P1/24)

(Chị N có mặt, anh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 13/11/2017 cùng bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị: Nguyễn Thị N trình bày:

- **Về tình cảm:** Chị và anh Đặng Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua tìm hiểu, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, quận B, thành phố Hà Nội vào ngày 20/12/2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà chồng tại địa chỉ: P512 C4, phường G, quận B, thành phố Hà Nội

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cụ thể anh T nghiện ma túy, không tu chí làm ăn mà chơi bời rượu chè cờ bạc, hành hung vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Gia đình cả hai bên nội, ngoại đã khuyên giải anh T nhưng do anh T không sửa đổi cách sống của bản thân nên đến tháng 8/2015, mâu thuẫn vợ chồng càng trở lên căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân nhau. Khi sống ly thân chị N ra ngoài thuê nhà tại H để ở, được vài tháng thì anh T bị tai nạn giao thông nên vợ chồng lại quay về với nhau, tuy nhiên cuộc sống chung vợ chồng sau đó vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, anh T không có trách nhiệm với gia đình, không thay đổi lối sống, dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn tất cả chỉ phụ thuộc vào thu nhập của chị N đi làm.

Đến khoảng tháng 4/2017, anh T vi phạm pháp luật và bị Công an Quận N bắt và khởi tố về tội cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản và Tòa án đã xét xử và kết án anh T 51 tháng tù, anh T hiện đang bị giam tại Trại giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội và chuẩn bị đi thi hành án. Gần đây chị N có vào trại gửi quà cho anh T nhưng không thăm gặp anh.

Hiện nay chị N đã chuyển ra ngoài và về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn Y, xã N, Huyện M, Tỉnh Hưng Yên ở tạm, vì chị đã xin được vào làm việc tại Công ty TNHH chăm sóc sức khỏe và sắc đẹp D, nên sắp tới chị N phải trong Thành phố H làm việc.

Nay chị N thấy mâu thuẫn của vợ chồng không thể khắc phục được, nên chị N làm đơn xin ly hôn anh T, đề nghị tòa án xem xét giải quyết.

- **Về con chung:** Chị N và anh T có 01 con chung là Đặng Nguyễn Trọng B, sinh ngày 28/11/2011.

Khi ly hôn, chị N xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đặng Ngọc T đóng góp tiền nuôi con chung, vì anh T đang phải đi chấp hành án, không có tiền để đóng góp.

Về tài sản chung và nhà ở chung: Vợ chồng không có tài sản và nhà ở chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Vợ chồng không cùng vay nợ ai, không cho ai vay nợ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Ngọc T để chị còn ổn định cuộc sống.

Trong bản tự khai và biên bản ghi lời khai của bị đơn là anh Đặng Ngọc T trình bày:

- **Về tình cảm:** Anh T xác nhận lời trình bày của chị N về quá trình tìm hiểu dẫn tới hôn nhân của vợ chồng anh là hoàn toàn đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình nhà bố mẹ đẻ anh tại địa chỉ: P512 C4, phường G, quận B, thành phố Hà Nội.

Theo anh T thì mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2014, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, khi mâu thuẫn có xảy ra xô xát nhau. Do cuộc sống chung vợ chồng căng thẳng, nên cả hai đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2015 đến cuối năm 2015, thời gian vợ chồng sống ly thân, chị N ra ngoài ở, đến cuối năm 2015 thì vợ chồng nói chuyện lại và về chung sống bình thường. Tuy nhiên sau đó chị N biết việc anh T mắc nghiện ma túy, chị N mặc dù không có ý kiến gì, nhưng cuộc sống chung vợ chồng cũng không thoải mái.

Đến tháng 4/2017, anh T bị Công an quận Na bắt vì hành vi Cướp giật tài sản và Trộm cắp tài sản. Ngày 27/10/2017, anh T bị Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội xét xử và tuyên phạt 51 tháng tù về hai tội danh trên.

Nay chị N xin ly hôn, quan điểm của anh T là vẫn còn tình cảm với chị N, mong chị N vì con chung mà cho anh T cơ hội để vợ chồng về đoàn tụ cho đỡ khổ con cái. Trường hợp chị N cứ cương quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí thuận tình ly hôn.

Do hiện tại anh T đang phải chấp hành bản án số: 243/2017/HSST ngày 27/10/2017 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội, nên không thể có mặt tại Tòa án để tham gia các buổi làm việc cũng như phiên tòa, vì vậy anh T đã đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

- **Về con chung:** Anh T xác nhận anh và chị N có 01 con chung là: Đặng Nguyễn Trọng B, sinh ngày 28/11/2011.

Khi ly hôn, anh T đồng ý giao cho chị N nuôi dưỡng và anh không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, do hiện nay anh T đang chấp hành hình án tại trại giam.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung:** Vợ chồng không có tài sản chung, nhà ở chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- **Về khoản nợ:** Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Anh Đặng Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên do anh T đang phải chấp hành án tại trại giam, không thể tham gia phiên Tòa, và anh có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của người tham gia tố tụng;
- Chuyển thông báo thụ lý đến Viện kiểm sát đúng hạn, việc thu chứng cứ theo đúng quy định tại điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng đến Viện kiểm sát, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định tại các điều 170, 171, 172, 173, 175, 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo đúng quy định tại điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Việc chuyển hồ sơ vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử đến Viện kiểm sát, Tòa án chấp hành đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương 14 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng Điều 51, 237 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tại phiên Tòa hôm nay bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh Đặng Ngọc T là đúng theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; 58; Điều 59; Điều 70; khoản 1 Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015 và Điều 27 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Đặng Ngọc T.

- Về con chung: Giao con chung là: Đặng Nguyễn Trọng B, sinh ngày 28/11/2011 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung đối với anh Đặng Ngọc T cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản .

- Về tài sản chung, nhà ở chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết

- Về công nợ chung : Đương sự không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí LHST: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

* **Về tố tụng:** Tòa án thụ lý đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối đối với anh Đặng Ngọc T là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy báo tham gia phiên Tòa cho anh T, song vì lý do anh T đang chấp hành án tại trại giam nên không có mặt để tham gia phiên Tòa và anh có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt anh. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Ngọc T.

* **Về nội dung:**

[1]. Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường G, quận B, thành phố Hà Nội vào ngày 20/12/2010. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình bố, mẹ anh T tại địa chỉ: P512 C4, phường G, quận B, thành phố Hà Nội

[2]. Căn cứ các tài liệu có trong hồ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn của vợ chồng chị N và anh T phát sinh vào khoảng cuối năm 2014, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cụ thể anh T nghiện ma túy, không tu chí làm ăn mà chơi bời rượu chè cờ bạc, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, thậm chí anh T còn hành hung vợ con. Vì vậy đã có thời gian vợ chồng sống ly thân nhau, mỗi người một nơi. Gia đình hai bên nội, ngoại đều biết mâu thuẫn của vợ chồng chị N, anh T và cũng đã khuyên giải anh T, tuy nhiên sau khi vợ chồng quay về chung sống, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra. Đến tháng 4/2017, anh T vi phạm pháp luật và bị Công an quận N bắt giữ. Tại bản án số: 243/2017/HSST ngày 27/10/2017 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội đã xét xử và tuyên phạt anh Đặng Ngọc T 51 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản”. Hiện nay anh T đang chấp hành hình phạt của bản án trên tại Trại giam. Đến nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ của vợ chồng không có nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đặng Ngọc T.

[3] Anh Đặng Ngọc T cũng xác nhận về mâu thuẫn của vợ chồng, tuy nhiên anh T vẫn còn tình cảm với chị N, mong chị N vì con chung mà cho anh T cơ hội để vợ chồng về đoàn tụ cho đỡ khổ con cái. Trường hợp chị N cương quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Do hiện tại anh T đang phải chấp hành án tại Trại giam, nên không thể có mặt tại Tòa án để tham gia các buổi làm việc cũng như phiên tòa, vì vậy anh T đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị N, anh T đã trở lên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Đặng Ngọc T.

[5] Về con chung: Anh T và chị N có 01 con chung là: Đặng Nguyễn Trọng B, sinh ngày 28/11/2011

Xét thấy: Cháu Đặng Nguyễn Trọng B còn nhỏ, chị N và anh T đều nhất trí thỏa thuận giao con chung cho chị N nuôi dưỡng vì hiện nay anh T còn phải chấp hành án tại Trại giam. Việc thỏa thuận của chị N và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, cần được chấp nhận. Mặt khác, Hội đồng xét xử thấy việc giao con chung

cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi cho cháu bé và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn: Do anh Đặng Ngọc T đang phải chấp hành án tại Trại giam nên không có điều kiện và thu nhập để cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị N, vì vậy tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với anh Đặng Ngọc T cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[6] Về tài sản, nhà ở và khoản nợ chung: Hai bên xác nhận vợ chồng không có tài sản, nhà ở và khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí LHST: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị N, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Quan điểm của đại diện viện Kiểm sát nhân dân quận B đối với việc giải quyết vụ án cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 58; 59; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Điều 27 khoản 5a Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N

Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đặng Ngọc T

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Ngọc T có 01 con chung là Đặng Nguyễn Trọng B, sinh ngày 28/11/2011.

Giao cháu Đặng Nguyễn Trọng B cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đặng Ngọc T cho đến khi chị Nguyễn Thị N có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Đặng Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nhà ở và khoản nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Ngọc T không có tài sản, nhà ở và khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí LHST: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đ- ọc trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007848 ngày 21/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

□n xử công khai sơ thẩm có mặt chị Nguyễn Thị N, vắng mặt anh Đặng Ngọc T. Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm Sát nhân dân quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;
- UBND phường G, quận B, thành phố Hà Nội
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang